

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN
(Số tuần: 4 tuần - Từ ngày 06/10/2025 - 31/10/2025)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất.				
a. Phát triển vận động.				
1	- Trẻ thực hiện được đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. - Chân: + Ngồi xổm; đứng lên. + Co duỗi chân. <i>- Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>	* Hoạt động học. - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi người về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. - Chân: + Ngồi xổm, đứng lên. + Co duỗi chân.	
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi hết đoạn đường hẹp(3m x 0,2m). + Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Bật - nhảy: + Bật xa 20-25cm.	* Hoạt động học: - VĐCB: Bật xa 20 - 25 cm. - TCVD: Chuyển bóng.	
5	- Trẻ thể hiện được nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng	- Tung, ném, bắt: - Tung bóng lên cao bằng 2 tay + Ném xa bằng 1 tay - Bò, trườn, trèo:	* Hoạt động học: - VĐCB: Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). - TCVD: Cỏ thấp,	

	hợp: + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	+ Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm).	Cây cao. * Hoạt động học: - VĐCB: Tung bóng lên cao bằng 2 tay - TCVD: Nhảy lò cò * Hoạt động học: - VĐCB: Bật xa 20 - 25 cm, ném xa bằng một tay.	
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.				
8	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau....).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. <i>-Trẻ nhận ra thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động.</i>	* Hoạt động ăn ngủ, vệ sinh cá nhân: Tổ chức bữa ăn cho trẻ.	
10	- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). <i>- Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> <i>- Chấp nhận đặc điểm bên ngoài của cơ thể bản thân và người khác;</i>	* Hoạt động ăn ngủ, vệ sinh cá nhân. - Ăn xong biết đánh răng, lau mồm.... * Hoạt động chơi: - Chơi trong hoạt động góc: Góc phân vai, góc học tập.	
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo...	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Lao động tự phục vụ bản thân: Đánh răng, rửa mặt...	

12	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	-Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: Lao động tự phục vụ bản thân: Ăn cơm, đi vệ sinh, ngủ... - Biết biết sử dụng dọn bát, thìa, cốc đúng cách.	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.				
a. Khám phá khoa học.				
20	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ. Để nhận ra đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	* Hoạt động học: - Trò chuyện về các bộ phận trên cơ thể.	
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.				
31	- Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	* Hoạt động học: - So sánh bạn nào cao, bạn nào thấp.	
33	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so	- Nhận biết tay phải-tay trái của bản thân.	* Hoạt động học: - Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân.	

	với bản thân.			
c. Khám phá xã hội.				
34	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - <i>Sự giống và khác nhau giữa mọi người về đặc điểm về hình dáng bên ngoài, sở thích, tính cách.</i> - <i>Tất cả mọi người (dù họ là ai, giới tính là gì, có sở thích, khả năng như thế nào) đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ.</i> - <i>Tìm hiểu để nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai và bạn gái.</i> <i>Khám phá các đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai và bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai – bạn gái.</i> - <i>Tìm hiểu về các bộ phận trên cơ thể; biết được đâu là chỗ/khu vực (vùng riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i>	* Hoạt động học: - Trò chuyện về tên, tuổi, giới tính.	
38	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Trẻ kể ngày lễ hội của địa phương.	* Hoạt động học: - Trò chuyện về ngày tết trung thu.	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
40	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ:	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.	

	"Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".		- Trò chuyện, cho trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản tự phục vụ bản thân: Ăn cơm, đi vệ sinh, ngủ...	
41	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	* Hoạt động chơi: - Chơi trong góc phân vai, góc học tập.	
42	- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. <i>- Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp.</i>	* Hoạt động chơi: - Chơi trong góc phân vai, góc học tập - Dạo chơi ngoài trời.	
43	- Trẻ nói rõ được các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. <i>- Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i> <i>- Bất cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và học (các) tiếng mẹ đẻ của chính mình. Nhà trường, GV có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với gia đình để bảo tồn và phát triển</i>	* Hoạt động học: TCTV: - Ăn cơm, uống nước, nằm ngủ; Cái mũ, đôi dép, đôi ủng - Rửa tay, lau miệng, Rửa mặt; Chải tóc, đánh răng, đi ngủ - Trứng, rau, cá; Gạo, đường, bánh. - Đèn ông sao, đèn lồng, múa lân; Bánh dẻo, bánh nướng, rước đèn	

		<i>(các) ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa của trẻ.</i>		
47	- Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.....	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	* Hoạt động học: - Thơ: + Đôi mắt của em (5E) + Cái lưỡi. + Trăng sáng	
48	- Trẻ kể lại được chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	* Hoạt động học: - Truyện: + Mỗi người một việc	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội.				
55	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính <i>- Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	* Hoạt động chơi: - Chơi trong hoạt động góc: Góc phân vai, góc học tập. - Chơi trò chơi học tập: Trò chơi mắt mờ tai.	
56	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	<i>- Bày tỏ được ý kiến về nhu cầu, mong muốn, điểm mạnh, sở thích của bản thân hoặc của người khác gần gũi với trẻ- liên quan tới quyền tham gia của trẻ.</i>	* Hoạt động chơi: - Chơi trong hoạt động góc: Góc phân vai, góc học tập, xây dựng, âm nhạc..... - Dạo chơi ngoài trời * Hoạt động lao động: Trẻ thích tự mình lau mặt rửa tay...	
57	Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	* Hoạt động chơi: - Chơi trong hoạt động góc: Góc phân vai, góc học tập, âm nhạc.	
66			* Hoạt động chơi:	

	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt. - <i>Học cách thảo luận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i> - <i>Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i> - <i>Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>	- Góc phân vai: + Bán hàng, gia đình, nấu ăn, bác sĩ, bé em, mẹ con. - Góc xây dựng, + Xây vườn hoa của bé, xây ngôi nhà của bé; Xây hàng rào nhà bé; Xây vườn cây của bé. - Góc âm nhạc: + Múa hát các bài hát liên quan đến chủ đề. - Góc học tập: + Xem tranh về chủ đề; - Góc tạo hình: + In hình bàn tay. + Cắt dán các loại rau, củ, quả. Tô màu bạn gái * Hoạt động học: - Trò chơi mới: Tạo dáng, Cài cúc áo, Hãy chỉ nhanh, Trời mưa.	
68	Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i> - <i>Hành vi văn minh trong trường, lớp, gia đình và nơi công cộng; hành vi sống xanh và bảo vệ môi trường sống gần gũi.</i>	* Hoạt động lao động: - Bỏ rác vào đúng nơi quy định.	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ.				
72	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	* Hoạt động học: - Dạy hát: Mừng sinh nhật - Nghe hát: Bàn tay mẹ - TCÂN: Bạn nào	

	bài hát quen thuộc.		hát. * Hoạt động học: - Dạy hát: Tay thơm tay ngoan - Nghe hát: Chỉ có một trên đời - TCÂN: Tai ai tinh. * Hoạt động học: - Dạy hát: Chiếc đèn ông sao - Nghe hát: Ánh trăng hòa bình - TCAN: Ai đoán giỏi.	
73	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. - <i>Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.</i>	* Hoạt động học: - VĐTN: Nào chúng ta cùng tập thể dục. - Nghe hát: Ru em - TCÂN: Ai nhanh nhất.	
74	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. - Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Trẻ xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Trẻ lần đọc,	- Sử dụng các nguyên liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng 1 số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - <i>Trẻ em có cơ hội “thử nghiệm” nhiều hoạt động thẩm mỹ</i>	* Hoạt động học: - Tô màu bức tranh bé gái (EDP) - Vẽ cái kẹo (EDP) * Hoạt động học:	

	xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một khối hoặc hai khối. - Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn. - Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	<i>nhất có thể đối với lứa tuổi của mình và các em phải được thường xuyên chọn hoạt động thẩm mỹ mà các em yêu thích nhất.</i> - Nhận xét sản phẩm tạo hình. - Thực hiện dự án steam	- Dự án: Làm đèn lồng	
75	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	* Hoạt động chơi: Chơi ở góc âm nhạc.	

I. MỞ CHỦ ĐỀ:

- Hỏi trẻ về bản thân trẻ:
- Con tên là gì? Con học ở lớp nào?
- Năm nay con lên mấy tuổi? Con là trai hay gái?
- Trên cơ thể mình có những bộ phận gì?
- Con có bạn nào biết tên các bạn trong lớp không.
- Giới thiệu về chủ đề: Bản thân.

II. CHUẨN BỊ HỌC LIỆU:

- Túi cát, 1 số loại quả, bóng.
- Tranh ảnh vẽ bạn trai, bạn gái và một số giác quan trên cơ thể.
- Một số đồ dùng cá nhân.
- Tranh minh hoạ chuyện, thơ: Cái lưỡi, đôi mắt của em, Gấu con bị đau răng.
- Bảng con, đất nặn, bút màu, kéo, keo dán.
- Một số nguyên vật liệu mở như: Len vụn, rơm khô, lá cây khô.

III. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ:

CHUYÊN MÔN DUYỆT